

Số: 403 /QĐ-CĐBK

Bắc Kạn, ngày 31 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo ngành/nghề: Công nghệ ô tô
(sửa đổi, bổ sung), trình độ: Cao đẳng liên thông

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

Căn cứ Luật Giáo dục Nghề nghiệp số 74/2014;

Căn cứ Thông tư số: 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô – đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ quyết định số 48/QĐ - CĐBK ngày 27 tháng 4 năm 2020 của trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Bắc Kạn;

Căn cứ biên bản họp của Hội đồng đào tạo;

Theo đề nghị của Trường Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành/nghề: Công nghệ ô tô, trình độ Cao đẳng liên thông:

| Tên nghề | Mã nghề | Khối lượng kiến thức toàn khóa học | Số tín chỉ |
|----------------|---------|------------------------------------|------------|
| Công nghệ ô tô | 6510216 | 975 | 40 |

(Kèm theo nội dung chương trình chi tiết)

Điều 2. Chương trình đào tạo được áp dụng từ năm học 2021 – 2022 đối với các lớp tuyển sinh và đào tạo từ tháng 9 năm 2021 trở đi.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, khoa Cơ giới đường bộ và Trưởng các phòng, khoa liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / . n

Nơi nhận:

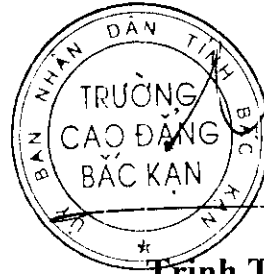
Gửi bản điện tử:

- BGH;
- Như Điều 3 (t/h).
- Phòng Đào tạo: Nhân, Diệu, Chung, Tùng; Ảnh;

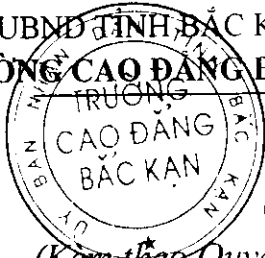
Gửi bản giấy:

- Phòng Đào tạo: Nhân 5 bản;
- Lưu: VT, ĐT. *tt*

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Tiến Long



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(~~Kèm theo~~ Quyết định số: 403/QĐ-CĐBK ngày 31 tháng 8 năm 2021

của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn)

Tên nghề: Công nghệ ô tô

Mã nghề: 6510216

Trình độ đào tạo: Cao đẳng liên thông

Hình thức đào tạo: Chính quy - Phương thức: Tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung cấp chuyên ngành công nghệ ô tô, có bằng tốt nghiệp THPT hoặc Văn hóa Trung học phổ thông

Thời gian đào tạo: 1 năm

Kết thúc khóa học người học được cấp bằng tốt nghiệp Cao đẳng liên thông và được công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành.

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Sau khi kết thúc khóa học người học có khả năng:

Trang bị kiến thức chuyên môn nghề chuyên ngành và phương pháp tổ chức quản lý sản xuất, hiểu biết được hoạt động của nghề chuẩn đoán các sai hỏng, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô; tiếp cận các khoa học kỹ thuật công nghệ ứng dụng vào chuẩn đoán, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô; có đủ sức khỏe, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức:

- Vận dụng được kiến thức kỹ thuật cơ sở vào việc tiếp thu các kiến thức chuyên môn nghề Công nghệ ô tô.

- Mô tả được cấu tạo và nguyên lý hoạt động các hệ thống, cơ cấu trong ô tô.

- Phát hiện ra được các hiện tượng, nguyên nhân hư hỏng của các cơ cấu và hệ thống trên ô tô.

- Đưa ra được các phương pháp kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô.

- Biết được các phương pháp chẩn đoán sai hỏng của các cơ cấu và hệ thống trên ô tô.

- Trình bày được yêu cầu cơ bản và các bước tiến hành khi lập quy trình tháo, lắp, kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô.

- Mô tả được nguyên lý, phương pháp vận hành và phạm vi sử dụng các trang thiết bị trong nghề Công nghệ ô tô.

- Nêu được nội dung và những nguyên lý cơ bản trong công tác quản lý và tổ chức sản xuất.

- Có kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa xã hội, pháp luật và công nghệ thông tin, tiếng anh đáp ứng yêu cầu công việc.

1.2.2. Kỹ năng:

- Tra cứu được các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô.

- Lựa chọn đúng và sử dụng thành thạo các loại dụng cụ, thiết bị tháo, lắp, đo và kiểm tra trong nghề Công nghệ ô tô.

- Thực hiện công việc tháo, lắp, kiểm tra, chẩn đoán, bảo dưỡng và sửa chữa các cơ cấu và các hệ thống trong ô tô đúng quy trình kỹ thuật và đảm bảo an toàn lao động.

- Thực hiện bảo dưỡng và sửa chữa ô tô đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật và an toàn.

- Làm được các công việc cơ bản của người thợ nguội, thợ hàn và thợ điện phục vụ cho quá trình sửa chữa ô tô.

- Lái được xe ô tô an toàn và đảm bảo yêu cầu kỹ thuật trong bãi tập.

- Có khả năng tiếp thu và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực ô tô.

- Chấp hành an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp.

- Có năng lực tiếng Anh bậc 2/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, sử dụng máy vi tính tra cứu được các tài liệu chuyên môn và soạn thảo văn bản.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Chấp hành kỷ luật và tác phong công nghiệp.

- Có khả năng làm việc theo nhóm hoặc độc lập để chia sẻ kinh nghiệm nâng cao hiệu quả và chất lượng công việc.

- Trung thực, cẩn thận, trách nhiệm trong quá trình thực hiện công việc.

- Tiết kiệm, bảo vệ dụng cụ, thiết bị máy móc, bảo vệ môi trường và sức khỏe của cộng đồng trong quá trình làm việc.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Người lao động kỹ thuật có trình độ Cao đẳng nghề sau khi tốt nghiệp có nhiều cơ hội việc làm tại các doanh nghiệp sản xuất phụ tùng ô tô, nhà máy lắp

ráp, các trung tâm bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và các cơ sở đào tạo nghề; được phân công làm việc ở các vị trí:

- Làm việc tại một vị trí cụ thể, trường đây chuyên lắp ráp, giám sát chất lượng.
- Chuyên viên kỹ thuật tại các công ty vận tải ô tô.
- Nhân viên tư vấn dịch vụ tại các đại lý bán hàng và các trung tâm dịch vụ sau bán hàng của các hãng ô tô.
- Công nhân các nhà máy sản xuất phụ tùng và lắp ráp ô tô.
- thợ sửa chữa tại các xí nghiệp bảo dưỡng và sửa chữa ô tô.
- Giáo viên giảng dạy trong các cơ sở đào tạo nghề.
- Có thể tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 17
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 975 giờ; số tín chỉ: 40 tín chỉ.
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 180 giờ; số tín chỉ: 8 tín chỉ.
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 795 giờ; số tín chỉ: 32 tín chỉ.
- Khối lượng lý thuyết: 285 giờ; Thực hành, thực tập, thảo luận: 648 giờ; Kiểm tra: 42 giờ

3. Nội dung chương trình

| Mã MH, MĐ | Tên mô đun, môn học | Số tín chỉ | Thời gian đào tạo (giờ) | | | |
|-----------------|-------------------------------|------------------|-------------------------|--------------|---|-------------|
| | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | Lý thuyết | Thực hành/ thực tập/bài tập/ thảo luận | Kiểm tra |
| I | Các môn học chung | 8 | 180 | 66 | 103 | 11 |
| MH 01 | Giáo dục chính trị | 3 | 45 | 25 | 16 | 4 |
| MH 02 | Pháp luật | 1 | 15 | 9 | 5 | 1 |
| MH 03 | Giáo dục thể chất | 1 | 30 | 3 | 25 | 2 |
| MH 04 | Giáo dục quốc phòng - An ninh | 1 | 30 | 15 | 14 | 1 |
| MH 05 | Tin học | 1 | 30 | 5 | 24 | 1 |
| MH 06 | Ngoại ngữ (Anh văn) | 1 | 30 | 9 | 19 | 2 |

| | | | | | | |
|-------------|--|-----------|------------|---------------------|---------------------|-------------------|
| II | Các mô đun, môn học đào tạo nghề | 32 | 795 | 219 | 545 | 1 |
| II.1 | Các mô đun, môn học kỹ thuật cơ sở | 8 | 135 | 99 | 28 | 8 |
| MH 07 | Cơ ứng dụng | 2 | 30 | 28 | 0 | 2 |
| MH 08 | Công nghệ khí nén - thủy lực ứng dụng | 2 | 30 | 28 | 0 | 2 |
| MH 09 | Tổ chức và quản lý sản xuất | 2 | 30 | 28 | 0 | 2 |
| MĐ 10 | Thực hành Autocad | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| II.2 | Các mô đun, môn học chuyên môn nghề | 24 | 660 | 120 | 517 | 23 |
| MĐ 11 | Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh ABS | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MĐ 12 | Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điều hòa trên xe ô tô | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MĐ 13 | Bảo dưỡng và sửa chữa hộp số tự động ô tô | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MĐ 14 | Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phun xăng điện tử | 5 | 120 | 30 | 85 | 5 |
| MĐ 15 | Bảo dưỡng và sửa chữa bơm cao áp điều khiển điện tử | 5 | 120 | 30 | 85 | 5 |
| MĐ 16 | Kiểm tra và sửa chữa Pan ô tô | 3 | 75 | 15 | 57 | 3 |
| MĐ 17 | Thực tập tại cơ sở sản xuất | 5 | 210 | 0 | 206 | 4 |
| | Tổng cộng/Tỷ lệ % | 40 | 975 | 285 (29%) | 648 (67%) | 42 (4%) |

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ lao động - Thương binh và xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Học tập nội quy quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho sinh viên khi mới nhập trường.

- Tổ chức tham quan, thực nghiệm tại các cơ sở sản xuất.

- Tham gia các hoạt động hỗ trợ khác để rèn luyện sinh viên.
- Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa có thể được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá như sau:

| Số TT | Nội dung | Thời gian |
|-------|--|---|
| 1 | Thể dục, thể thao | 5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày |
| 2 | Văn hoá, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể | Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần) |
| 3 | Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu | Tất cả các ngày làm việc trong tuần |
| 4 | Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể | Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật |
| 5 | Tham quan thực tế (ngoại khóa) | 01 lần/ năm học |

4.3. Hướng dẫn thi kiểm tra hết môn học, mô đun:

- Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số: 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy môn đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và các Quy định của nhà trường.

- Hình thức kiểm tra kết thúc môn học, mô đun: Viết, bài tập thực hành, vấn đáp, trắc nghiệm.

- Thời gian kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút

+ Thực hành: Không quá 08 giờ

- Thời gian kiểm tra thường xuyên, định kỳ các môn học, mô đun: Thời gian và nội dung cụ thể được qui định trong chương trình chi tiết của từng môn học, mô đun.

4.4. Hướng dẫn ôn tập, thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

- Đối với đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng liên thông theo từng ngành, nghề và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận làm điều kiện xét tốt nghiệp.

+ Hiệu trưởng các trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành hoặc cử nhân thực hành (đối với trình độ cao đẳng) theo quy định của trường.

4.5. Các chú ý khác.

- Lý thuyết: Tối đa 30 giờ/tuần
- Thực hành/tích hợp: Tối đa 40 giờ/tuần.
- Thực tập: Tối đa 40 giờ/tuần

Hiệu trưởng

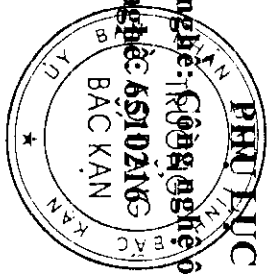


Trịnh Tiên Long

Handwritten mark

PHỤ LỤC 04: SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Tên nghề: **Thực hành nghề**
Mã nghề: **6510216**



Học kỳ 1

Học kỳ 2

